

TÌM HIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU SO SÁNH QUỐC TẾ MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI NGÀNH THỐNG KÊ VIỆT NAM

(Tiếp theo kỳ trước)

TS. Nguyễn Quán

Chỉ số thịnh vượng quốc gia (Wealth of Nation Index- WNI)

WNI do nhóm chuyên gia kinh tế của World Paper và Viện Nghiên cứu các vấn đề tiền tệ (MMI) của Mỹ tính và công bố hàng năm, bắt đầu từ năm 1996. WNI nhằm đo lường sự thịnh vượng của các quốc gia, trên cơ sở đó xếp hạng các quốc gia. Điều đáng chú ý WNI chủ yếu chỉ tính và xếp hạng trong phạm vi các nước đang phát triển, ngoài ra còn tính cũng như xếp hạng riêng cho một số nước phát triển (Nhật Bản, Mỹ, Tây Ban Nha,...) như là những thông tin cho các nước đang phát triển tham khảo.

WNI được tính trên cơ sở 3 nhóm tiêu chí, mỗi nhóm tiêu chí lại bao gồm 21 biến số với quyền số bằng nhau. Mỗi biến số sẽ có một số điểm nhất định tùy theo mức độ đạt được của biến số. Tổng số điểm của các biến số tối đa đạt được của mỗi quốc gia là 2400 điểm, nhưng chưa có quốc gia nào trong 70 quốc gia đang phát triển đạt tới 1900 điểm trong mấy năm qua. Việc xếp thứ tự các quốc gia căn cứ vào tổng số điểm đạt được của các quốc gia.

Nhóm tiêu chí về môi trường kinh tế, bao gồm:

- Nền kinh tế quốc dân: Tốc độ tăng GDP, GNI đầu người (theo sức mua tương đương - PPP), tỷ lệ lạm phát, tổng vốn cố định trong nước, tỷ lệ tiết kiệm, thâm hụt so với thặng dư của Chính phủ (% GDP), cán cân tài khoản vãng lai, nợ nước ngoài so với

GDP, tỷ lệ thanh toán nợ so với trị giá xuất khẩu, dự trữ ngoại tệ so với trị giá nhập khẩu, dự trữ nước ngoài (không kể vàng) so với kim ngạch nhập khẩu.

- Mức độ hội nhập của nền kinh tế: tỷ lệ phần trăm của trị giá xuất nhập khẩu so với GDP, tỷ lệ phần trăm của đầu tư trực tiếp nước ngoài so với GDP, đầu tư chứng khoán (nợ), tư nhân hoá thị trường.

- Môi trường kinh doanh: Chỉ số tự do kinh tế, chỉ số nhận thức về tham nhũng, tỷ giá hối đoái thực tế, tốc độ quay vòng tiền tệ (GDP/M_2), chênh lệch lãi suất, đóng góp của doanh nghiệp nhà nước (% GDP), mức độ bảo hộ tài sản thương mại.

Nhóm tiêu chí về môi trường xã hội, bao gồm:

- Sự ổn định và phát triển: Phân phối thu nhập, bình đẳng nam nữ về tiền lương và về giáo dục, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ phần trăm người tị nạn so với dân số, chỉ số về quyền lợi chính trị, hệ thống pháp luật độc lập, số lượng phương tiện giao thông, chất lượng đường sá.

- Y tế: tốc độ tăng trưởng lực lượng lao động, chương trình y tế quốc gia (phúc lợi y tế so với chi tiêu), tỷ lệ dân số nghỉ hưu so với lực lượng lao động, đất canh tác bình quân đầu người, lượng cung cấp calo/ngày.

- Môi trường thiên nhiên: đất được bảo tồn so với tổng diện tích, tỷ lệ khí thải CO_2

(tấn/ người), tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, cam kết của Chính phủ về môi trường.

Nhóm tiêu chí về trao đổi thông tin, gồm:

- Khả năng tiếp nhận thông tin: Tỷ lệ biết chữ, số người đọc báo trên 1000 dân, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học, tỷ lệ sinh viên học ngành toán, khoa học, cơ khí (%), tiếng Anh là ngôn ngữ chính giao dịch thương mại.

- Cơ sở hạ tầng thông tin: số lượng máy tính cá nhân sử dụng trên 1000 người dân, số lượng báo chí bình quân đầu người, tỷ lệ truyền hình cáp trên 1000 người, giá cước điện thoại quốc tế (3 phút).

- Phổ biến thông tin: Tỷ lệ khách du lịch so với dân số, dịch vụ truyền hình, truyền thanh (trên 1000 dân), gia đình có máy thu hình/1000 gia đình, tỷ lệ điện thoại di động/1000 dân, tỷ lệ ngân sách Chính phủ dành cho công nghệ thông tin (% GDP), chỉ

số tự do báo chí, tỷ lệ máy chủ Internet trên 1000 dân, tỷ lệ điện thoại trên 1000 dân, tỷ lệ người sử dụng điện thoại trên 1000 dân số.

Kết quả tính và xếp hạng WNI năm 2004 cho thấy: 5 nước và lãnh thổ đứng đầu bảng xếp hạng WNI là Slovenia, Ixraen, Hàn Quốc, CH Séc, Đài loan; 4 nước đứng cuối bảng là các nước: Tandia, Papua Niu Ghinê, Dimbabuê, Kênia. So với năm trước, nhiều nước đã cải thiện thứ hạng của mình, như: Trung Quốc, Nga, Braixin tăng 7 bậc, Baranh tăng 5 bậc; Thổ Nhĩ Kỳ, Ả-rập Xê-út tăng 4 bậc, Croát-ti-a, Mêhicô tăng 3 bậc; nhưng cũng nhiều nước xuống bậc, như Ấn Độ, Indônêxia, Ba Lan, Bungari, Việt Nam,.... Riêng Việt Nam đứng thứ 56, tụt tới 7 bậc chủ yếu do nhóm tiêu chí Môi trường kinh tế giảm tới 54 điểm, trong khi nhóm tiêu chí Môi trường xã hội chỉ giảm có 1 điểm và nhóm tiêu chí Trao đổi thông tin giảm 6 điểm.

ĐIỂM CỦA CÁC NHÓM TIÊU CHÍ VÀ XẾP HẠNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA (TRONG 70 QUỐC GIA) NĂM 2004

Xếp hạng	Quốc gia	Tăng giảm xếp hạng	Tổng số điểm	Điểm về môi trường kinh tế	Điểm về môi trường xã hội	Điểm về trao đổi thông tin
1	Slôvênia	+ 1	1878	556	706	617
2	Ix-ra-en	+ 2	1861	534	700	628
3	Hàn Quốc	- 2	1856	598	648	610
4	Cộng hoà Séc	- 1	1855	595	687	573
5	Đài Loan	+ 1	1816	572	674	571
15	Malaixia	- 2	1606	588	624	394
56	Việt Nam	- 7	1227	494	507	226

Nguồn số liệu: www.worldpaper.com

Trung Quốc xếp thứ 27, Nga xếp thứ 31, Ấn Độ xếp thứ 53, Indônêxia xếp thứ 54 trong bảng xếp hạng.

Chỉ số tự do kinh tế (Index of Economic Freedom - IEF)

IEF hàng năm do Tạp chí Phố Wall (Mỹ) và Quỹ Heritage tính toán, xếp hạng

cho 161 quốc gia dựa trên 50 biến số kinh tế độc lập. Những biến số này được xếp vào 10 nhóm lớn gọi là các yếu tố tự do kinh tế. Mười nhóm tự do kinh tế là:

- Chính sách thương mại;
- Gánh nặng ngân sách của Chính phủ;
- Can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế;
- Chính sách tiền tệ;
- Các luồng vốn và đầu tư nước ngoài;
- Ngân hàng và tài chính;
- Lương và giá;
- Quyền sở hữu tài sản;
- Các luật lệ;
- Hoạt động của thị trường phi chính thức.

Mười yếu tố trên có tầm quan trọng ngang nhau đối với mức độ tự do kinh tế của mỗi quốc gia. Mỗi yếu tố được đánh giá theo

thang điểm từ 1 đến 5. Điểm 1 thể hiện môi trường kinh tế và tập hợp chính sách thuận lợi nhất đối với tự do kinh tế còn điểm 5 cho biết môi trường kinh tế và tập hợp chính sách ít thuận lợi nhất đối với tự do kinh tế. Căn cứ vào số điểm bình quân 10 yếu tố của mỗi quốc gia để xếp hạng (càng ít điểm càng được xếp ở thứ hạng cao), và có thể căn cứ vào số điểm để đánh giá mức độ tự do kinh tế, như:

Các quốc gia có số điểm trung bình từ 1 đến 1,99 là *Tự do hoàn toàn*.

Các quốc gia có số điểm trung bình từ 2 đến 2,99 là *Gần như tự do hoàn toàn*.

Các quốc gia có số điểm trung bình từ 3 đến 3,99 là *Gần như không tự do*.

Các quốc gia có số điểm trung bình từ 4 đến 5 là *Kiểm soát*.

XẾP HẠNG CHỈ SỐ TỰ DO KINH TẾ NĂM 2005 VÀ SỐ ĐIỂM BÌNH QUÂN CỦA CÁC NĂM 2001 ĐẾN 2005 Ở MỘT SỐ NƯỚC

	Điểm số 2001	Điểm số 2002	Điểm số 2003	Điểm số 2004	2005	
					Điểm số	Xếp hạng
Xingapo	1,66	1,69	1,61	1,61	1,60	2
Nhật Bản	2,04	2,34	2,36	2,53	2,46	39
Campuchia	3,00	2,78	2,68	2,90	2,89	63
Malaixia	3,05	3,23	3,14	3,16	2,96	70
Thái Lan	2,29	2,46	2,71	2,86	2,98	71
Philippin	3,16	3,05	2,95	3,05	3,25	90
Trung Quốc	3,55	3,56	3,54	3,64	3,46	112
Indônêxia	3,60	3,49	3,43	3,76	3,54	121
Việt Nam	4,24	3,98	3,90	3,93	3,83	137
Lào	4,75	4,81	4,73	4,45	4,33	150
Mianma	4,45	4,33	4,35	4,45	4,60	154

Nguồn số liệu: 2005 Index of Economic Freedom

Qua bảng trên, chỉ có Xingapo thuộc nhóm quốc gia Tự do hoàn toàn (1,60 điểm);

Nhật Bản, Campuchia, Malaixia, Thái Lan thuộc nhóm nước Gần như tự do hoàn toàn;

Philippin, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam thuộc nhóm nước Gần như không tự do; các nước Lào, Mianma thuộc nhóm nước kiểm soát. Cũng theo bảng trên, ngoài Xingapo còn có Việt Nam trong 5 năm qua có chiều hướng đi đến Tự do kinh tế tương đối xuôn xẻ hơn các nước khác. Tuy mức độ tự do kinh tế của nước ta và Xingapo cũng như

một số nước khác còn cách biệt. Năm 2004, Việt Nam xếp thứ 141/ 155 nước.

Trong bảng đánh giá IEF, có thể thấy mức độ tự do của từng nhóm yếu tố và của từng biến số (50 biến số) ở mỗi quốc gia. Dưới đây là điểm 10 nhóm yếu tố của Việt Nam và một số nước khác năm 2005.

Nhóm yếu tố tự do kinh tế	Việt Nam	Xingapo	Thái Lan	Trung Quốc	Nhật Bản
Chính sách thương mại	5	1	3	4	2
Gánh nặng ngân sách	3,8	2,5	3,8	4,1	3,6
Mức độ can thiệp của Chính phủ vào nền KT	3,5	3,5	2,5	3,0	2,0
Chính sách tiền tệ	1	1	1	1	1
Đầu tư nước ngoài	4	1	4	4	3
Tài chính - Ngân hàng	4	2	3	4	4
Giá và lương	3	2	3	3	2
Quyền sở hữu tài sản	5	1	3	4	2
Luật lệ	5	1	3	4	3
Thị trường phi chính thức	4,0	1,0	3,5	3,5	2,0

Chỉ số sẵn sàng nối mạng (NRI) do Diễn đàn Kinh tế thế giới phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) thực hiện nhằm đo lường mức độ chuẩn bị của nền kinh tế mỗi quốc gia để tham gia và hưởng lợi từ sự phát triển của công nghệ thông tin (ICT). Đây là chỉ số quan trọng nhất đánh giá tác động của công nghệ thông tin đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia.

NRI đánh giá tính sẵn sàng của nền kinh tế các quốc gia theo ba phương diện:

- Môi trường kinh tế vĩ mô và điều tiết đối với ICT;

- Sự sẵn sàng sử dụng và hưởng lợi từ ICT của ba đối tượng sử dụng chủ yếu (cá nhân, doanh nghiệp, chính phủ);

- Mức độ sử dụng ICT hiện tại.

Mỹ đứng đầu danh sách, chủ yếu do được xếp hạng tốt nhất về mức độ sử dụng ICT của doanh nghiệp, chính phủ; cũng là quốc gia đứng đầu về khả năng đổi mới công nghệ thông tin. Mỹ luôn giữ vị trí số 1 trong ba năm qua (kể từ khi NRI ra đời).

Xingapo đứng thứ hai (tăng 6 bậc so với năm 2002) với thành công trong xây dựng quan hệ đối tác nhằm thúc đẩy việc thâm nhập và sử dụng ICT.

Israen xếp thứ 16 do điểm số nổi trội về các nhà khoa học và kỹ sư, chất lượng của các trung tâm nghiên cứu khoa học,...

XẾP HẠNG CHỈ SỐ SẴN SÀNG NỐI MẠNG 2003-2004

Xếp hạng	Quốc gia	Điểm	Xếp hạng	Quốc gia	Điểm
1	Mỹ	5,50	45	Ấn Độ	3,54
2	Xingapo	5,40	47	Ba Lan	3,51
3	Phần Lan	5,23	51	Trung Quốc	3,38
4	Thụy Điển	5,20	63	Nga	3,19
12	Nhật Bản	4,80	68	Việt Nam	3,13
16	Ixraen	4,64	69	Philipin	3,09
17	Đài Loan	4,62	73	Indônêxia	3,06
18	Hồng Kông	4,61	78	Ucraina	2,96
19	Pháp	4,61	99	Ănggôla	2,32
20	Hàn Quốc	4,60	100	Haiti	2,27
26	Malaixia	4,19	101	Êtiôpi	2,13
38	Thái Lan	3,72	102	Chad	2,09

Nguồn số liệu: Global Information Technology Report 2003-2004

Chỉ số sẵn sàng điện tử: cơ quan tình báo kinh tế (EIU) từ năm 2000, đều công bố để xếp hạng về mức độ sẵn sàng về điện tử các nước trên thế giới. Hiện nay, có 65 quốc gia được đánh giá về khả năng thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động kinh doanh số hoá và dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông. Chỉ số này là thước đo về môi trường kinh doanh điện tử của mỗi nước.

Chỉ số sẵn sàng điện tử được xác định thông qua 6 nhóm chỉ tiêu bao gồm gần 100 chỉ tiêu, kèm theo quyền số của từng nhóm. Sáu nhóm chỉ tiêu đó là:

- Mức độ kết nối internet và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, với quyền số 25%
- Môi trường kinh doanh, với quyền số 20%
- Khả năng thích nghi của doanh nghiệp và môi trường, với quyền số 20%

- Môi trường văn hoá xã hội, với quyền số 15%

- Môi trường pháp lý và chính sách, với quyền số 15%

- Dịch vụ điện tử hỗ trợ, với quyền số 5%.

Do công nghệ thông tin và các ứng dụng luôn luôn thay đổi trên bình diện toàn cầu và mỗi quốc gia. Nên phương pháp xếp hạng 2005 đã có những thay đổi, những chỉ tiêu không phản ánh được quy mô, mức độ phát triển của nền kinh tế kỹ thuật số đã được loại bỏ, thay đổi trọng số của các nhóm. Nhóm chỉ tiêu có trọng số tăng bao gồm thêm các chỉ tiêu về kết nối băng thông rộng và an ninh mạng, khả năng truy cập mạng không dây, thêm các chỉ tiêu như chỉ tiêu cho công nghệ thông tin và viễn thông,...

BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ SẴN SÀNG ĐIỆN TỬ 2005 VÀ 2004

Quốc gia	Năm 2005		Năm 2004	
	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng
Đan Mạch	8,74	1	8,28	1
Mỹ	8,73	2	8,04	6
Thụy Điển	8,64	3	8,25	3
Trung Quốc	3,85	54	3,96	52
Việt Nam	3,06	61	3,35	60
A-déc-bai-gian	2,72	65	2,43	64

Nguồn: The 2005 e-readiness rankings, EIU, April, 2005

Xếp hạng toàn cầu hoá

Chỉ số xếp hạng toàn cầu hoá là tổng số thứ hạng của mỗi quốc gia trong 62 quốc gia được xếp hạng về các khía cạnh: kinh tế, cá nhân, công nghệ, chính trị

Các khoản mục:

Hội nhập kinh tế (thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài)

Giao dịch cá nhân (kiểu hối và các chuyển giao cá nhân, đi lại, điện thoại)

Liên kết công nghệ (số máy chủ an toàn, số máy kết nối internet, số người sử dụng internet)

Cam kết chính trị (các chuyển giao chính phủ, các hiệp định, tiến trình gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế)

Tổng số thứ hạng của quốc gia nào nhỏ nhất, là quốc gia đứng đầu về xếp hạng toàn cầu hoá. Trong 62 quốc gia trong bảng xếp hạng (không có Việt Nam) năm 2005, Xingapo đứng đầu trong 62 quốc gia. (Nguồn: Foreign Policy 2005).

II. Những vấn đề đặt ra với ngành Thống kê Việt Nam

Như đã trình bày ở trên, các Chỉ số GCI, EDI, IEF, NRI,... là các chỉ tiêu tổng hợp từ nhiều chỉ tiêu thống kê và cả những chỉ tiêu khác, chắc chắn có tác dụng nhất định để mỗi quốc gia thấy được mặt mạnh và những hạn chế của quốc gia và từ đó tìm các biện pháp để phát triển đất nước mình. Do đó nước ta cần phải khai thác đầy đủ các chỉ tiêu này một cách chi tiết, cụ thể và phổ biến kịp thời cho nhiều người sử dụng.

Chúng ta cần tìm hiểu đầy đủ về phạm vi, phương pháp tính các chỉ tiêu trên cũng như kết quả xếp hạng trên. Có thể một số chỉ tiêu mới này, ngay lúc này chưa đủ quan trọng để có thể bổ sung vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia nước ta (như nước ta đã đưa các chỉ tiêu GDI, GNI, HDI,...), nhưng rõ ràng ngành Thống kê nên cập nhật các loại chỉ tiêu này không chỉ vì ý nghĩa và tác dụng của chỉ tiêu mà trên một khía cạnh nào đó làm phong phú thêm về khoa học thống kê, mặt khác cũng không ai có thể nói trước chính các chỉ tiêu này và các chỉ tiêu

mới sẽ được nghiên cứu, được áp dụng khi trở thành phổ biến của nhiều quốc gia và nhiều tổ chức quốc tế, thì lúc đó chắc chắn sẽ cần bổ sung kịp thời vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia nước ta.

Các chỉ tiêu có dạng như tổ hợp của nhiều chỉ tiêu thống kê trên đòi hỏi các quốc gia (trong đó có Việt Nam) phải nâng cao công tác thống kê để có thể cung cấp kịp thời, chính xác, công khai các chỉ tiêu thống kê của quốc gia mình, vì đây chính là nguồn thông tin quan trọng để quyết định chất lượng các chỉ tiêu thống kê do các tổ chức quốc tế tính toán cho nhiều quốc gia trên toàn thế giới.

Cuối cùng, dù các chỉ tiêu đã được các tổ chức quốc tế có uy tín nghiên cứu, tính toán và công bố, nhưng có thể vẫn chưa hoàn thiện, các Nhà Thống kê Việt Nam cũng nên nghiên cứu và có những đóng góp

để hoàn thiện các chỉ tiêu này; ngoài ra, các Nhà Thống kê Việt Nam có thể mạnh dạn nghiên cứu đề xuất các chỉ tiêu thống kê quan trọng mới và giới thiệu trên các tạp chí thống kê quan trọng trên thế giới (International Statistical Review, Statistical Theory and Method Abstracts của Viện Thống kê Quốc tế - ISI; Statistical Review của Hội Thống kê Hoàng gia Anh;...) ■

Tài liệu tham khảo

- Dự án VIE 01/025 của CIEM và UNDP - Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
- 2005 Index of Economic Freedom
- WWW.Worldpaper.com
- Global Information Technology Report 2003 - 2004.
- Reuters, Tsunami won't dent ASIA consumer optimism.
- Tài liệu của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế-xã hội quốc gia